

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021**

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	4 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
- Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến thứ 20 ngày 30/10/2020, được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 20/05/2020 theo Quyết định số 262/QĐ-SGDHN ngày 14/05/2020 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ đăng ký	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2021	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2021 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Đặng Việt Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Triều	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

4. Các hoạt động chính trong năm

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 (Bao gồm việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ).

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Số: 198/2021/DFK-BCKiT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản** tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐFK VIỆT NAM



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN
Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 0182-2018-042-1

LÊ ĐÌNH HUYÊN
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHNKT: 1756-2018-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

			Đơn vị: VNĐ	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.583.866.247	198.813.687.899
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	102.179.826	56.484.536
1 . Tiền	111		102.179.826	56.484.536
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2.1	255.553.350	139.627.800
1 . Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2 . Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(275.446.650)	(391.372.200)
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		10.064.074.310	14.697.725.535
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.594.699.272	7.432.671.131
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.251.257.200	3.896.411.516
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.120.197.978	5.545.544.888
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.902.080.140)	(2.176.902.000)
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	V.7	149.091.993.857	179.562.206.156
1 . Hàng tồn kho	141		163.415.590.410	195.614.910.205
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.323.596.553)	(16.052.704.049)
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		5.070.064.904	4.357.643.872
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	20.768.804	144.154.516
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.13.1	4.998.884.259	4.213.489.356
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.2	50.411.841	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.920.471.481	48.874.597.361
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		23.830.641.949	26.980.768.596
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	15.680.766.761	18.258.824.656
- Nguyên giá	222		119.826.404.657	121.814.477.829
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(104.145.637.896)	(103.555.653.173)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.149.875.188	8.721.943.940
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.061.003.305)	(6.488.934.553)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.2.2	20.825.210.464	20.825.210.464
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.992.000.000	14.992.000.000
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	22.219.425.650
3 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.386.215.186)	(16.386.215.186)
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		264.619.068	1.068.618.301
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	264.619.068	1.068.618.301
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		209.504.337.728	247.688.285.260

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

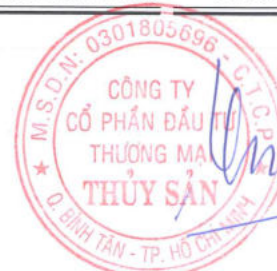
MẪU SỐ B01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

			Đơn vị: VNĐ	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		123.863.715.206	161.139.357.780
I . Nợ ngắn hạn	310		65.277.457.596	103.142.558.096
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	24.248.633.033	54.588.392.404
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.203.632.464	1.319.467.816
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.3	211.102.766	488.239.580
4 . Phải trả người lao động	314	V.14	1.241.874.579	1.072.713.208
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	600.000.000	785.000.000
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.1	7.365.188.693	7.511.495.088
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.1	23.076.915.906	31.509.125.845
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.330.110.155	5.868.124.155
II . Nợ dài hạn	330		58.586.257.610	57.996.799.684
1 . Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	46.714.280.514	45.864.214.514
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.2	11.871.977.096	12.132.585.170
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.640.622.522	86.548.927.480
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.19	85.640.622.522	86.548.927.480
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(87.806.652.946)	(86.898.347.988)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(86.898.347.988)	(81.766.843.052)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(908.304.958)	(5.131.504.936)
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		209.504.337.728	247.688.285.260

Phạm Thị Bích Phượng

Phạm Thị Bích Phượng



PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG
 Người lập
 Ngày 29 tháng 03 năm 2022

PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG
 Quyền Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Người đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**MẪU SỐ B02 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

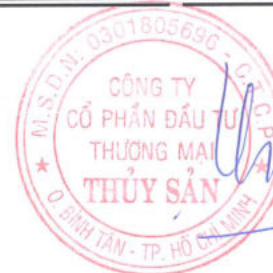
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VNĐ	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		82.386.731.245	102.817.267.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.863.114.997
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	82.386.731.245	100.954.152.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	66.926.238.605	88.606.297.117
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.460.492.640	12.347.855.133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	899.424.930	832.511.238
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.063.255.294	3.637.482.908
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.052.683.474	2.645.197.962
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.220.768.068	2.824.416.255
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.034.754.177	12.569.146.764
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(958.859.969)	(5.850.679.556)
11. Thu nhập khác	31		149.349.783	841.590.919
12. Chi phí khác	32		98.794.772	122.416.299
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	50.555.011	719.174.620
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(908.304.958)	(5.131.504.936)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(908.304.958)	(5.131.504.936)
18. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(71)	(401)
19. Lãi/lỗ suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(71)	(401)



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Người lập
 Ngày 29 tháng 03 năm 2022



PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG
 Quyền Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
 Người đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**MẪU SỐ B03 – DN***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VNĐ	
		Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(908.304.958)	(5.131.504.936)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.150.126.647	2.569.296.157
- Các khoản dự phòng	03	(119.854.906)	1.897.258.261
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.527.447	(250.192.320)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(145.238.154)	(318.590)
- Chi phí lãi vay	06	2.052.683.474	2.645.197.962
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.043.939.550	1.729.736.534
- Giảm các khoản phải thu	09	2.069.057.024	5.815.188.767
- Giảm hàng tồn kho	10	32.199.319.795	31.483.729.313
- (Giảm) các khoản phải trả	11	(27.930.898.821)	(27.326.006.477)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	927.384.945	1.001.332.474
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.177.683.474)	(2.645.197.962)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(538.014.000)	(243.447.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.593.105.019	9.815.334.788
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	145.000.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	238.154	318.590
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	145.238.154	318.590
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	30.030.906.987	50.138.498.977
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(38.725.662.308)	(60.118.794.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.694.755.321)	(9.980.296.017)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	43.587.852	(164.642.639)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.484.536	221.127.175
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.107.438	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	102.179.826	56.484.536



PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG
Người lập
Ngày 29 tháng 03 năm 2022



PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG
Quyền Kế toán trưởng




NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Người đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 20 ngày 30/10/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ đăng ký:	128.070.000.000 đồng
Vốn góp thực tế đến 31/12/2021:	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:
- ✓ Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- ✓ Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ươm cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- ✓ Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- ✓ Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- ✓ Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- ✓ Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- ✓ Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- ✓ Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- ✓ Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- ✓ Mua bán hàng nông - lâm - thủy - hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- ✓ Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- ✓ Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- ✓ Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- ✓ Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- ✓ Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp để so sánh với số liệu cuối năm.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 107 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 211 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo. Cơ sở của kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách, nguyên tắc kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Là dự phòng phân giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều các khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại:

Các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển*: Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*: Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

20. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
- Tiền mặt (VNĐ)	3.157.283	1.015.411
- Tiền gửi ngân hàng	99.022.543	55.469.125
+ VNĐ	65.150.487	26.471.654
+ USD	25.630.291	19.921.597
+ EUR	8.241.765	9.075.874
Cộng	102.179.826	56.484.536

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	255.553.350	275.446.650	531.000.000	139.627.800	391.372.200
Cộng	531.000.000	255.553.350	275.446.650	531.000.000	139.627.800	391.372.200

Khoản đầu tư mua 8.619 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	ngàn VNĐ	ngàn VNĐ	ngàn VNĐ	ngàn VNĐ	ngàn VNĐ	ngàn VNĐ
- Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	-	1.499.200	14.992.000	-	1.499.200
- Đầu tư vào đơn vị khác	22.219.426	-	14.887.015	22.219.426	-	14.887.015
Cộng	37.211.426	-	16.386.215	37.211.426	-	16.386.215

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính. Tại ngày 31/12/2021, Công ty tạm tính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa trên ước tính của Ban Giám đốc về mức độ suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
Cộng	14.992.000.000	14.992.000.000

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000 USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2021 là 900,000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng tương đương 49%.

2.2.2 Đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	22.219.425.650	22.219.425.650
Cộng	22.219.425.650	22.219.425.650

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2012 với số vốn góp tại ngày 31/12/2021 là 22.219.425.650 đồng, tương đương tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga. Mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Incomfish US	1.701.889.552	-
- Kim Distri	2.216.684.438	-
- Ze Hui Co., Ltd	-	2.736.615.328
- Paris Store S.A	1.319.427.504	2.090.909.985
- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	770.679.190	770.679.190
- Các khoản phải thu khách hàng khác	586.018.588	1.834.466.628
Cộng	6.594.699.272	7.432.671.131

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH THS Minh Phương	3.109.860.000	3.109.860.000
- Các khoản trả trước cho người bán khác	141.397.200	786.551.516
Cộng	3.251.257.200	3.896.411.516

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải thu khác ngắn hạn		-		-
- Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn	3.096.830.668	-	3.133.638.426	-
- Tạm ứng	806.587.928	-	1.841.850.543	-
- Phải thu ngắn hạn khác	216.779.382	-	570.055.919	-
Cộng	4.120.197.978	-	5.545.544.888	-

6. DỰ PHÒNG/ NỢ XẤU PHẢI THU KHÓ ĐÒI**6.1. DỰ PHÒNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Công ty TNHH Minh Phương	3.109.860.000	3.109.860.000	3.109.860.000	2.176.902.000
- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	770.679.190	770.679.190	-	-
- Bà Nguyễn Thùy Trang	21.540.950	21.540.950	-	-
Cộng	3.902.080.140	3.902.080.140	3.109.860.000	2.176.902.000

6.2. NỢ XẤU

	Đối tượng nợ	31/12/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
		VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Từ trên 3 năm	- Công ty TNHH Minh Phương	3.109.860.000	-	-	-
	- Công ty TNHH Thực phẩm Xanh Đồng Tháp	770.679.190	-	-	-
	- Bà Nguyễn Thùy Trang	21.540.950	-	-	-
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm		-	-	3.109.860.000	-
Cộng		3.902.080.140	-	3.109.860.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Nguyên liệu, vật liệu	144.476.637.160	(11.798.753.630)	170.944.995.177	(13.527.861.126)
+ NVL nhập khẩu	1.369.813.459		17.801.210.520	
+ NVL trong nước	2.440.808.174		2.907.720.419	
+ Bán thành phẩm	134.876.429.037	(11.798.753.630)	144.484.445.126	(13.527.861.126)
+ Vật liệu phụ, bao bì	5.789.586.490		5.751.619.112	
- Công cụ, dụng cụ	3.047.594.333	-	3.099.176.335	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	102.842.489	-	32.376.347	-
- Thành phẩm	15.788.516.428	(2.524.842.923)	21.491.274.179	(2.524.842.923)
- Hàng hoá	-	-	47.088.167	-
Cộng	163.415.590.410	(14.323.596.553)	195.614.910.205	(16.052.704.049)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2021	43.718.683.540	68.506.959.444	7.734.556.758	1.854.278.087	121.814.477.829
- Thanh lý	-	(239.216.888)	(1.748.856.284)	-	(1.988.073.172)
Tại ngày 31/12/2021	43.718.683.540	68.267.742.556	5.985.700.474	1.854.278.087	119.826.404.657
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2021	32.641.169.121	62.125.955.888	6.934.250.077	1.854.278.087	103.555.653.173
- Khấu hao trong năm	1.629.927.251	715.849.824	232.280.820	-	2.578.057.895
- Thanh lý	-	(239.216.888)	(1.748.856.284)	-	(1.988.073.172)
Tại ngày 31/12/2021	34.271.096.372	62.602.588.824	5.417.674.613	1.854.278.087	104.145.637.896
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	11.077.514.419	6.381.003.556	800.306.681	-	18.258.824.656
Tại ngày 31/12/2021	9.447.587.168	5.665.153.732	568.025.861	-	15.680.766.761

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 60.236.722.152 đồng.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 17 trang 25 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Tp. Hồ Chí Minh ngày 13/05/2021. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 13/05/2021 đến ngày 12/05/2022).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2021	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
Tại ngày 31/12/2021	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2021	5.140.454.062	1.135.392.891	213.087.600	6.488.934.553
- Khấu hao trong năm	285.645.996	286.422.756	-	572.068.752
Tại ngày 31/12/2021	5.426.100.058	1.421.815.647	213.087.600	7.061.003.305
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	572.465.938	8.149.478.002	-	8.721.943.940
Tại ngày 31/12/2021	286.819.942	7.863.055.246	-	8.149.875.188

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 213.087.600 đồng.

Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất) là quyền sử dụng đất có thời hạn theo theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 – Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân – Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m2. Thời hạn sử dụng đến tháng 9/2049.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	20.768.804	144.154.516
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	20.768.804	144.154.516
2. Chi phí trả trước dài hạn	264.619.068	1.068.618.301
- Trả trước chi phí xây dựng vùng nuôi	264.619.068	1.068.618.301
Cộng	285.387.872	1.212.772.817

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán ngắn hạn		
- Tai Foong USA	6.178.947.334	6.258.475.670
- Ze Hui Co., Ltd	9.026.794.006	38.601.202.764
- Các khoản phải trả người bán khác	9.042.891.693	9.728.713.970
Cộng	24.248.633.033	54.588.392.404

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
- Ze Hui Co., Ltd	3.127.457.041	-
- Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	76.175.423	1.319.467.816
Cộng	3.203.632.464	1.319.467.816

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải thu	Số đã thu/ khấu trừ	31/12/2021
1. Thuế GTGT được khấu trừ				
- Thuế GTGT được khấu trừ	4.213.489.356	2.174.287.906	1.388.893.003	4.998.884.259
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế TNCN	-	-	50.411.841	50.411.841
Cộng	-	-	50.411.841	50.411.841

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	31/12/2021
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế GTGT	-	465.988.343	465.988.343	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	16.664.400	-	16.664.400	-
- Thuế TNCN	42.998.606	120.419.082	163.417.688	-
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	428.576.574	-	217.473.808	211.102.766
Cộng	488.239.580	589.407.425	866.544.239	211.102.766

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
- Phải trả lương người lao động	1.241.874.579	1.072.713.208
Cộng	1.241.874.579	1.072.713.208

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay phải trả	600.000.000	725.000.000
- Chi phí phải trả khác	-	60.000.000
Cộng	600.000.000	785.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
1. Phải trả ngắn hạn khác	7.365.188.693	7.511.495.088
- Kinh phí công đoàn	-	1.958.121.263
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.145.154.459	1.012.017.091
- Tiền thưởng sản lượng	-	845.849.602
- Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
- Phải trả khác	5.170.034.234	3.645.507.132
2. Phải trả dài hạn khác là bên liên quan (*)	46.714.280.514	45.864.214.514
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	31.977.168.139	31.747.168.139
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	11.657.112.375	11.107.046.375
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu	3.080.000.000	3.010.000.000
Cộng	<u>54.079.469.207</u>	<u>53.375.709.602</u>

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là khoản phải trả (các bên liên quan) tiền mượn vốn kinh doanh tạm thời, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THÚY SÁN
 Lô số A77/L, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU SỐ B09 – DN

17. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021			Trong kỳ			31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
1. Vay ngắn hạn	31.509.125.845	31.509.125.845		30.032.844.295	38.465.054.234	23.076.915.906	23.076.915.906	
- NH Vietcombank	17.1	26.089.125.845		30.032.844.295	38.465.054.234	17.656.915.906	17.656.915.906	
+ Vay VND		20.958.322.576		25.834.619.847	31.367.024.249	15.425.918.174	15.425.918.174	
+ Vay USD		5.130.803.269		4.198.224.448	7.098.029.985	2.230.997.732	2.230.997.732	
- Các khoản vay cá nhân	17.2	5.420.000.000		-	-	5.420.000.000	5.420.000.000	
+ Nguyễn Thị Kim Thu		2.000.000.000		-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	
+ Nguyễn Thị Kim Thủy		1.120.000.000		-	-	1.120.000.000	1.120.000.000	
+ Nguyễn Thị Kim Xuân		500.000.000		-	-	500.000.000	500.000.000	
+ Nguyễn Hoàng Ngọc Trang		1.800.000.000		-	-	1.800.000.000	1.800.000.000	
2. Vay dài hạn	17.3	12.132.585.170		-	260.608.074	11.871.977.096	11.871.977.096	
- Nguyễn Thị Kim Xuân		4.000.000.000		-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	
- Nguyễn Thị Kim Thu		2.220.000.000		-	-	2.220.000.000	2.220.000.000	
- Nguyễn Hoàng Ngọc Trang		5.912.585.170		-	260.608.074	5.651.977.096	5.651.977.096	
Cộng		43.641.711.015		30.032.844.295	38.725.662.308	34.948.893.002	34.948.893.002	

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 0106/2138/N-CTD ngày 03/12/2021 và hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0106/2138/N-KD/01 ký ngày 03/12/2021. Hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2021 bao gồm 15.425.918.174 đồng và 97,338.47 USD.

Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

- + Thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy chế biến thủy sản tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0789/NHNT ký ngày 16/8/2017 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

+ Thế chấp tài sản là 43 loại máy móc thiết bị dùng trong sản xuất kinh doanh đã qua sử dụng theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0790/NHNT ký ngày 16/8/2017 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

+ Thế chấp tài sản là các công trình phụ trợ ngoài phạm vi công trình chính tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0169/1938/TCDN2 ký ngày 05/9/2019 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

(17.2) Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 03 đến 09 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất 150% * lãi suất cơ bản của ngân hàng Việt Nam theo từng thời điểm vay.

(17.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 300 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay được thỏa thuận theo từng thời điểm cụ thể.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	01/01/2021	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	31/12/2021
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Quỹ khen thưởng	4.017.533.418	-	34.700.000	3.982.833.418
- Quỹ phúc lợi	1.850.590.737	-	503.314.000	1.347.276.737
Cộng	5.868.124.155	-	538.014.000	5.330.110.155

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2020	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(81.766.843.052)	91.680.432.416
- Lỗ trong năm	-	-	-	(5.131.504.936)	(5.131.504.936)
Tại ngày 31/12/2020	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(86.898.347.988)	86.548.927.480
Tại ngày 01/01/2021	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(86.898.347.988)	86.548.927.480
- Lỗ trong năm	-	-	-	(908.304.958)	(908.304.958)
Tại ngày 31/12/2021	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(87.806.652.946)	85.640.622.522

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19.2. Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.807.000	12.807.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**20.1. Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.032,08	501,65
Euro Mỹ (EUR)	<u>324,59</u>	<u>324,59</u>

20.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
- Hyl International	1.055.093.543	1.055.093.543
- Công ty Biển Sáng	418.109.438	418.109.438
- World foods Co., Ltd	177.046.800	177.046.800
- IGLO GMPH	16.275.659	16.275.659
- Nguyễn Văn Hiền	27.065.700	27.065.700
- Golden Sea	402.022.575	402.022.575
- ICF US	462.491.763	462.491.763
- Golden Harvest Seafood Corporation	985.076.659	985.076.659
- Dragon Sourcing	9.087.663.520	9.087.663.520
- Khách hàng khác	1.503.011.935	-
Cộng	<u>12.630.845.657</u>	<u>11.127.833.722</u>

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và khách hàng được xác định là không có khả năng thanh toán nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu xuất khẩu	75.356.149.673	96.128.548.073
- Doanh thu bán bán hàng nội địa	3.836.954.350	2.945.394.089
- Doanh thu khác	3.193.627.222	3.743.325.085
Cộng	82.386.731.245	102.817.267.247
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	-	1.863.114.997
Cộng	-	1.863.114.997
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.386.731.245	100.954.152.250

Chi tiết doanh thu như sau:

	USD	VNĐ	Quy ra VNĐ
- Doanh thu xuất khẩu	3.295.966,22	-	75.356.149.673
- Doanh thu bán bán hàng nội địa	-	3.836.954.350	3.836.954.350
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.193.627.222	3.193.627.222
Cộng	3.295.966,22	7.030.581.572	82.386.731.245

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	68.655.346.101	87.760.805.797
- Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.729.107.496)	845.491.320
Cộng	66.926.238.605	88.606.297.117

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	238.154	318.590
- Lãi chênh lệch tỷ giá	899.186.776	832.192.648
Cộng	899.424.930	832.511.238

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí lãi vay	2.052.683.474	2.645.197.962
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(115.925.550)	434.476.663
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	126.497.370	557.808.283
Cộng	2.063.255.294	3.637.482.908

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nhân viên	317.956.334	753.450.480
- Chi phí xuất hàng, vận chuyển	3.838.210.780	1.816.923.684
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	709.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.389.827	120.275.035
- Chi phí bằng tiền khác	37.502.127	133.767.056
Cộng	4.220.768.068	2.824.416.255

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nhân viên quản lý	7.128.383.861	9.199.217.990
- Chi phí đồ dùng văn phòng	54.644.312	36.274.374
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	292.845.996	312.246.006
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.725.178.140	617.290.278
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.576.203.330	2.264.623.791
- Chi phí bằng tiền khác	257.498.538	139.494.325
Cộng	11.034.754.177	12.569.146.764

7. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập khác		
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định	145.000.000	-
- Xử lý các khoản công nợ tồn đọng	-	824.878.334
- Thu nhập khác	4.349.783	16.712.585
Cộng	149.349.783	841.590.919
Chi phí khác		
- Chi phí khác	98.794.772	122.416.299
Cộng	98.794.772	122.416.299
Lợi nhuận từ hoạt động khác	50.555.011	719.174.620

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
- (Lỗ) trước thuế	(908.304.958)	(5.131.504.936)
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	879.624.389	122.416.299
- Chi phí lãi vay không được trừ	764.165.217	-
- Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	115.459.172	122.416.299
- Thu nhập chịu thuế	(28.680.569)	(5.009.088.637)
- Chuyển lỗ	-	-
- Thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

9. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(908.304.958)	(5.131.504.936)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm)	-	-
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(908.304.958)	(5.131.504.936)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.807.000	12.807.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(71)	(401)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(71)	(401)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.243.701.856	155.989.222.355
- Chi phí nhân công	17.231.808.595	22.759.064.871
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.150.126.647	2.572.495.435
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.723.028.716	11.007.486.393
- Chi phí bằng tiền khác	2.063.410.624	273.761.381
Cộng	123.412.076.438	192.602.030.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B09 – DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với bên liên quan và số dư các khoản phải thu/ phải trả) đối với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021	
	USD	VNĐ
Doanh thu bán hàng		
- Incomfish US	100.632	2.279.817.960
	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
Nợ phải thu		
- Incomfish US	1.701.889.552	462.491.763
Nợ phải trả		
- Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	4.200.000.000	12.227.046.375
- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	36.477.168.139	36.247.168.139
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	15.877.112.375	7.230.000.000

Bên liên quan	Chức vụ	Thu nhập trong năm
- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	CT. HĐQT - TGD	573.305.491
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	TV. HĐQT - P. TGD	684.376.815
- Ông Đặng Việt Hùng	P. TGD	257.281.485
Cộng		1.514.963.791

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi nhuận thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	102.179.826	56.484.536
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.714.897.250	12.978.216.019
- Đầu tư tài chính	21.080.763.814	20.964.838.264
Tổng cộng	31.897.840.890	33.999.538.819
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VNĐ	VNĐ
CÔNG NỢ TÀI CHÍNH		
- Các khoản vay	34.948.893.002	43.641.711.015
- Phải trả người bán và phải trả khác	78.328.102.240	107.964.102.006
- Chi phí phải trả	600.000.000	785.000.000
Tổng cộng	113.876.995.242	152.390.813.021

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính “Thông tư 210”. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MÃ SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính được xác định là có suy giảm giá trị đã được trích lập dự phòng theo đúng quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	Dưới 01 năm VNĐ	Từ 01 - 05 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
- Các khoản vay	23.076.915.906	11.871.977.096	34.948.893.002
- Phải trả người bán và phải trả khác	31.613.821.726	46.714.280.514	78.328.102.240
- Chi phí phải trả	600.000.000	-	600.000.000
Cộng	55.290.737.632	58.586.257.610	113.876.995.242
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021			
- Các khoản vay	31.509.125.845	12.132.585.170	43.641.711.015
- Phải trả người bán và phải trả khác	62.099.887.492	45.864.214.514	107.964.102.006
- Chi phí phải trả	785.000.000	-	785.000.000
Cộng	94.394.013.337	57.996.799.684	152.390.813.021
	Dưới 01 năm VNĐ	Từ 01 - 05 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	102.179.826	-	102.179.826
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.714.897.250	-	10.714.897.250
- Đầu tư tài chính	255.553.350	20.825.210.464	21.080.763.814
Cộng	11.072.630.426	20.825.210.464	31.897.840.890
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	56.484.536	-	56.484.536
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.978.216.019	-	12.978.216.019
- Đầu tư tài chính	139.627.800	20.825.210.464	20.964.838.264
Cộng	13.174.328.355	20.825.210.464	33.999.538.819

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

3. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU SỐ B09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

Người lập

Ngày 29 tháng 03 năm 2022



PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

Quyền Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

Người đại diện pháp luật